

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy
của Trường Đại học Nha Trang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-KĐCLGDTL ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 22 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 05 chương trình đào tạo Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KDCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy
của Trường Đại học Nha Trang**

*(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80,00
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	3			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4.00	46	92



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt, được lấy ý kiến của các bên liên quan, đối sánh với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước, được rà soát, điều chỉnh và phổ biến công khai.

2. Bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, được lấy ý kiến của các chuyên gia, giảng viên, doanh nghiệp, rà soát và cập nhật. Đề cương các học phần được xây dựng theo quy định chung của Nhà trường, được công bố công khai trên website, phổ biến thông qua các tài liệu quảng bá về CTĐT, được giảng viên cập nhật nội dung chi tiết theo từng lớp học phần và được công bố công khai cho sinh viên trên hệ thống E-learning trước mỗi học phần.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau như dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học dựa vào công nghệ và các phương pháp đánh giá, gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kì. Ma trận kỹ năng thể hiện mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra ở 3 cấp độ I, R, M. chương trình dạy học được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các CTĐT của một số trường đại học trong nước, được thiết kế hợp lý, đảm bảo tính kế thừa và tích lũy kiến thức đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT, trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện chuyên môn.

4. Trường ban hành Triết lý giáo dục và đã sử dụng nhiều phương thức để truyền tải Triết lý giáo dục tới các cán bộ, giảng viên và người học. Các đề cương chi tiết học phần đã xác định rõ phương pháp giảng dạy của từng học phần để sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy khá phù hợp với CTĐT như: Thuyết trình, phát vấn, nghiên cứu tài liệu, thảo luận, thực hành. Đặc biệt, nội dung thực hành được chú trọng, chiếm tỷ lệ cao trong đánh giá học phần. Các học phần đã có nội dung rèn luyện sinh viên có khả năng học tập suốt đời (đọc tài liệu, làm báo cáo, đồ án...).

5. Trường ban hành đầy đủ các văn bản về quy trình và kế hoạch đánh giá kết quả học tập, hướng dẫn lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá, hướng dẫn thiết kế đề thi, kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra. Đề cương học phần nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các tài liệu quy định về thời gian, hình thức, phương pháp trọng số, cơ chế phản hồi và quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, được phổ biến cho người học trước mỗi khóa học, kỳ học, người học hài lòng với thủ tục khiếu nại kết quả học tập.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT được quy hoạch, phát triển dựa trên chiến lược phát triển Trường. Khoa có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên mạnh, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ cao (54,5%), vượt xa mục tiêu Chiến lược của Trường (40%). Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học đảm bảo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường, được người học đánh giá cao. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Khoa và nhu cầu phát triển của cá nhân. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc, sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, thời hạn hoàn thành, đơn vị thực hiện. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí WoS/SCOPUS và tham luận trong các hội thảo khoa học nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn, bảo đảm về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường và nhu cầu phát triển của cá nhân nhân viên. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên được xây dựng, triển khai thực hiện, kết quả đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc, sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, thời hạn hoàn thành và đơn vị thực hiện.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được

rà soát, đánh giá hằng năm. Việc giám sát sự tiến bộ của người học được quy định rõ ràng và phân công thực hiện cụ thể. Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học được phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị và triển khai được nhiều hoạt động rèn luyện kỹ năng và tư vấn việc làm cho người học. Trường chú trọng việc xây dựng môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Trường có khuôn viên rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường, cảnh quan đẹp, sạch sẽ được giảng viên và người học đánh giá cao. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Nhà trường có diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng vượt mức yêu cầu bình quân theo quy định. Cơ sở đào tạo chính của Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện rộng rãi, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện, có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chung và chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập dựa trên các quy định hiện hành, được quản lý, triển khai thực hiện và giám sát.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá, việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả người học được hướng dẫn cụ thể nhằm bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Viện xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Thực hiện thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát điều chỉnh mục tiêu đào tạo, nhấn mạnh ứng dụng trong lĩnh vực biển và thủy sản, thể hiện rõ sự đóng góp vào phát triển kinh tế biển; cập nhật định hướng đào tạo (ứng dụng) trong phát biểu mục tiêu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh các phát biểu chuẩn đầu ra, sử dụng các động từ theo thang Bloom/tương đương để tạo điều kiện cho hoạt động đo lường đánh giá, đảm bảo tương thích cao với Khung trình độ quốc gia Việt Nam; bổ sung năng lực số trong chuẩn đầu ra phù hợp với Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nâng cao hiệu quả của hoạt động phổ biến chuẩn đầu ra đến sinh viên, giúp sinh viên hiểu và có phương pháp học tập phù hợp; xây dựng các công cụ hữu hiệu để đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra.

2. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tối ưu hóa việc cung cấp thông tin nhằm tăng hiệu quả phổ biến thông tin về CTĐT đến các bên liên quan; rà soát quy trình ban hành CTĐT, Bản mô tả CTĐT, chương trình dạy học phù hợp với quy định; rà soát, điều chỉnh tương thích ma trận giữa CLO và PLO, bổ sung thông tin hoạt động tự học trong đề cương học phần, bổ sung các thông tin hỗ trợ người học và cập nhật học liệu; rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá trong đề cương học phần; đa dạng các hình thức công khai, khảo sát về khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng để tăng hiệu quả của thông tin về CTĐT và đề cương học phần.

3. Quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT để sử dụng thống nhất trong toàn Trường; thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan với số lượng đủ lớn về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để có căn cứ đánh giá sự phù hợp của các phương pháp đối với từng học phần; rà soát lại chuẩn đầu ra của các học phần đảm bảo kết nối chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của học phần; xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đạt chuẩn đầu ra; đánh giá sự phù hợp, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần, rà soát ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần với chuẩn đầu ra của học phần; điều chỉnh đề cương học phần theo hướng tăng cường cung cấp kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm bằng cách tích hợp giảng dạy các kỹ năng đó trong các học phần chuyên ngành.

4. Xây dựng kế hoạch phổ biến hiệu quả triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và sinh viên; xây dựng tài liệu hướng dẫn phương pháp, cách thức, mục tiêu chuyển tải Triết lý giáo dục vào các hoạt động của Nhà trường trong đó có hoạt động xây dựng chuẩn đầu ra, CTĐT, đề cương

học phần; lưu ý đến đối tượng đào tạo khi thiết kế phương pháp giảng dạy để đa dạng hóa các phương pháp, phù hợp với các đối tượng người học khác nhau, hướng dẫn người học hiểu và chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra; thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá, hoàn thiện các phương pháp dạy học cho phù hợp với từng học phần trong CTĐT; tăng cường tính thực tế trong giảng dạy các học phần và mời thêm doanh nghiệp nói chuyện chuyên đề để tăng tính thực tiễn cho người học; tổng kết, tập huấn phương pháp giảng dạy, tập huấn phương pháp kiểm tra đánh giá, bổ sung các hướng dẫn cách học, tự nghiên cứu, các hoạt động trải nghiệm giúp sinh viên có khả năng học tập suốt đời.

5. Xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết, tổ chức tập huấn chuyên sâu để giảng viên thiết kế và lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với các chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý; xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn để triển khai việc đánh giá độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá để chuẩn hóa các đề thi; rà soát bổ sung các rubrics đánh giá mức tự chủ và trách nhiệm trong đề cương học phần; khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu về việc người học sử dụng kết quả phản hồi để cải thiện việc học tập và thực hiện khảo sát người học về quy trình khiếu nại kết quả học tập để làm cơ sở cải tiến.

6. Rà soát chính sách phát triển, chính sách thu hút, đãi ngộ để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học, xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian và tổ chức đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh.

7. Định kỳ khảo sát các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, sử dụng kết quả khảo sát trong các phân tích dự báo về phát triển đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ, bổ sung các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Tăng cường các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh, nhất là ngoài tỉnh Khánh Hoà; thường xuyên tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh, có thêm các chính sách đột phá về tuyển sinh để nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành Công nghệ chế tạo máy nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng quy định, quy trình về việc tổng hợp đối sánh kết quả khảo sát người học về hoạt động hỗ trợ tư vấn người học theo từng Khoa và CTĐT, có báo cáo cải tiến và theo dõi kết quả cải tiến; ký kết các hợp đồng dịch vụ chuyên môn bên ngoài hoặc có chính sách phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong việc chăm sóc môi trường, cảnh quan của nhà trường.

9. Khảo sát, lấy ý kiến giảng viên, sinh viên toàn trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ Trường học và tổng hợp theo từng đơn vị hoặc CTĐT; rà soát trang thiết bị tại giảng đường và phòng làm việc của giảng viên để nâng cấp, sửa chữa kịp thời hơn; rà soát toàn bộ tài liệu trong đề cương học phần để có kế hoạch phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021; tăng cường các bản in cho các giáo trình, tài liệu đang có tại thư viện; tổng hợp các số liệu về bạn đọc (giảng viên, sinh viên), kinh phí mua sắm học liệu theo từng Khoa/CTĐT để có kế hoạch cải tiến tốt hơn về học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; tăng cường chất lượng khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về tính đáp ứng của hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, tiến hành tổng hợp, đối sánh định kỳ kết quả khảo sát để đưa ra các biện pháp cải tiến để hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hiệu quả hơn; có giải pháp cải thiện tốc độ đường truyền internet bảo đảm đáp ứng nhu cầu người học; cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ bảo đảm đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài trường khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét cải tiến nhận xét đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thời học để xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thời học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT để mở rộng đối tượng đối sánh, trong đó có hoạt động đối sánh tỷ lệ người học tốt

nghiệp có việc làm cũng như số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của người học cùng CTĐT để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ chế tạo máy của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.